CÔNG TY CỔ PHẦN
MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc 1 – 3

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ 4

Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ 5 - 6
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 7
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 8
- Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 9 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ:	30.600.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2018:	30.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 024.35122163
- Fax: (84) 024.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mĩ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mĩ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy – học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mĩ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến thời điểm 30/06/2018 là 290 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Lê Hoàng Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018
• Ông Đinh Gia Lê	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/04/2018
• Ông Phạm Ngọc Tới	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/04/2015
• Ông Phạm Văn Thắng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018
• Bà Mai Nhị Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2018
• Bà Nguyễn Bích La	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/03/2013
• Ông Lê Huy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/03/2015 Miễn nhiệm ngày 24/04/2018

Ban kiểm soát

• Bà Bùi Thị Thu Lan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/04/2018
• Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2018

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Bà Phan Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018
• Ông Nguyễn Văn Quyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2018
• Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 Miễn nhiệm ngày 24/04/2018

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Phạm Văn Thắng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/06/2017
• Bà Nguyễn Bích La	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013
• Ông Nguyễn Văn Tại	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/06/2017
• Ông Nguyễn Phong Yên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 12/09/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Phạm Văn Thắng
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số:891/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 30/07/2018 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền Thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**60.116.772.126**	**80.054.640.799**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**24.127.843.205**	**41.233.071.832**
1. Tiền	111	5	1.286.152.489	4.051.469.576
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	22.841.690.716	37.181.602.256
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**600.000.000**	**750.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.a	750.000.000	750.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(150.000.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**15.745.064.055**	**20.017.879.858**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	11.665.090.264	17.115.146.953
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	3.173.109.615	1.683.893.093
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	1.888.964.379	2.037.363.960
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(982.100.203)	(818.524.148)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**12**	**13.482.501.993**	**14.415.964.019**
1. Hàng tồn kho	141		13.517.653.287	14.451.115.313
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(35.151.294)	(35.151.294)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**6.161.362.873**	**3.637.725.090**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	6.129.004.054	3.636.995.090
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	32.358.819	730.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**28.477.155.019**	**29.734.990.331**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**4.251.751.575**	**3.928.800.075**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	4.251.751.575	3.928.800.075
II. Tài sản cố định	**220**		**1.834.893.465**	**1.664.974.149**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.834.893.465	1.664.974.149
- Nguyên giá	*222*		*11.805.515.289*	*11.105.515.289*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(9.970.621.824)*	*(9.440.541.140)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**2.000.000.000**	**2.000.000.000**
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.b	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**20.390.509.979**	**22.141.216.107**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	20.390.509.979	22.141.216.107
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**88.593.927.145**	**109.789.631.130**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**42.865.617.057**	**60.710.470.373**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**42.865.617.057**	**60.710.470.373**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	32.098.310.115	38.492.262.276
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.724.682.826	4.830.609.783
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	322.709.475	1.882.202.698
4.	Phải trả người lao động	314		5.620.713.729	13.932.271.755
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	132.922.783
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	18	775.577.607	920.744.053
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	145.841.000
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.323.623.305	373.616.025
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		-	-
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**45.728.310.088**	**49.079.160.757**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**45.728.310.088**	**49.079.160.757**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	30.600.000.000	30.600.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*30.600.000.000*	*30.600.000.000*
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(227.778.500)	(227.778.500)
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	19	12.539.884.977	9.291.667.858
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	2.816.203.611	9.415.271.399
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		-	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*2.816.203.611*	*9.415.271.399*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**88.593.927.145**	**109.789.631.130**

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Phạm Văn Thắng	Nguyễn Phong Yên	Nguyễn Huy Hoàng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	114.821.871.795	92.328.365.368
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		114.821.871.795	92.328.365.368
4. Giá vốn hàng bán	11	22	71.615.994.651	58.905.565.061
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	**20**		**43.205.877.144**	**33.422.800.307**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.182.896.396	785.534.859
7. Chi phí tài chính	22	24	156.657.464	85.532.101
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*1.225.064*	*85.532.101*
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	31.386.264.098	22.148.563.016
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	9.596.170.647	9.136.806.135
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**3.249.681.331**	**2.837.433.914**
11. Thu nhập khác	31	26	556.665.338	265.460.637
12. Chi phí khác	32	27	17.701.096	33.054.360
13. Lợi nhuận khác	**40**		**538.964.242**	**232.406.277**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**3.788.645.573**	**3.069.840.191**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	972.441.962	664.400.710
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	33.148.574
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**2.816.203.611**	**2.372.290.907**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	736	620
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	736	620

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Phạm Văn Thắng	Nguyễn Phong Yên	Nguyễn Huy Hoàng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		112.479.373.026	90.386.349.301
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(100.102.474.717)	(78.002.060.208)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.431.979.662)	(18.930.792.246)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	24	(1.225.064)	(81.818.448)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(1.323.683.958)	(1.450.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.176.220.285	6.270.392.919
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.623.452.115)	(14.512.374.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(12.827.222.205)**	**(16.320.302.787)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	14	(700.000.000)	(256.994.725)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	22		-	13.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,23	851.834.578	710.439.518
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**151.834.578**	**13.953.444.793**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	492.883.105
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(145.841.000)	(874.998.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19.e	(4.284.000.000)	(4.284.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(4.429.841.000)**	**(4.666.114.895)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(17.105.228.627)**	**(7.032.972.889)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5, 6	41.233.071.832	25.669.790.212
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**5, 6**	**24.127.843.205**	**18.636.817.323**

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Phạm Văn Thắng	Nguyễn Phong Yên	Nguyễn Huy Hoàng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: *Phát hành sách mầm non; Bán lẻ sách báo, văn phòng phẩm, đồ dùng gia đình; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác.*

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mĩ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mĩ thuật, thiết kế - đồ họa (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy – học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mĩ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 (Bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 30/06/2018).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tất cả tài sản cố định hiện có. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	3 – 5
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

4.6 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, , dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
  - Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - Đối với sách tham khảo không bổ trợ cho sách giáo khoa, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%;
  - Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2018	01/01/2018
Tiền mặt	483.087.813	473.340.374
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	803.064.676	3.578.129.202
Cộng	**1.286.152.489**	**4.051.469.576**

6. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2018	01/01/2018
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng	15.157.648.770	25.779.947.163
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 3 tháng	7.684.041.946	11.401.655.093
Cộng	**22.841.690.716**	**37.181.602.256**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	750.000.000	600.000.000	(150.000.000)	750.000.000	967.500.000	-
Cộng	**750.000.000**	**600.000.000**	**(150.000.000)**	**750.000.000**	**967.500.000**	**-**

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		30/08/2018					01/01/2018	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác					2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	*Đang hoạt động*	*1,84%*	*1,84%*	*200.000*	*2.000.000.000*	-	*2.000.000.000*	-
Cộng					**2.000.000.000**	**-**	**2.000.000.000**	**-**

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	977.658.909	1.612.933.200
Công ty CP PHS TP. HCM - Fahasa	1.012.940.485	754.568.873
Các đối tượng khác	9.674.490.870	14.747.644.880
Cộng	**11.665.090.264**	**17.115.146.953**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư	561.816.687	313.980.922
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư	184.040.000	609.840.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư	383.556.016	1.828.296.016
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	977.658.909	1.612.933.200
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư	296.574.356	281.523.856
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	420.999.305	800.534.411
Cộng		**2.824.645.273**	**5.447.108.405**

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty Cổ phần In và Truyền thông Hợp Phát	1.096.493.743	-
Công ty TNHH thương mại đầu tư Minh Phát	349.914.501	-
Các đối tượng khác	1.726.701.371	1.683.893.093
Cộng	**3.173.109.615**	**1.683.893.093**

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
BHXH, BHYT, BHTN	30.914.549	-	48.416.117	-
Lãi dự thu	76.936.006	-	124.265.954	-
Tạm ứng	865.839.825	-	882.871.206	-
Ký cược, ký quỹ	155.881.000	-	-	-
Phải thu khác	759.392.999	(14.328.428)	981.810.683	(21.187.310)
Cộng	**1.888.964.379**	**(14.328.428)**	**2.037.363.960**	**(21.187.310)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	4.251.751.575	-	3.928.800.075	-
Cộng	**4.251.751.575**	**-**	**3.928.800.075**	**-**

11. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	982.100.203	818.524.148
- Từ 3 năm trở lên	*524.836.009*	*531.539.271*
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	*366.890.178*	*177.923.456*
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	*90.374.016*	*109.061.421*
Cộng	**982.100.203**	**818.524.148**

b. Nợ xấu

	30/06/2018			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Giáo dục và Công nghệ Thành phố Thông minh	76.334.984	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
- Các đối tượng khác	1.153.377.882	247.612.663	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	**1.229.712.866**	**247.612.663**		

	01/01/2018			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Giáo dục và Công nghệ Thành phố Thông minh	76.334.984	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
- Các đối tượng khác	927.503.494	185.314.330	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	**1.003.838.478**	**185.314.330**		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

12. Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	88.701.769	-	1.011.904.967	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.327.387.175	-	1.418.981.848	-
Thành phẩm	11.894.269.143	(35.151.294)	11.751.512.666	(35.151.294)
Hàng hóa	207.295.200	-	268.715.832	-
Cộng	**13.517.653.287**	**(35.151.294)**	**14.451.115.313**	**(35.151.294)**

- Giá trị sách chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2018 là 35.151.294 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch làm từ thiện, biếu tặng đối với các loại sách trên.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2018.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Chi phí thuê, sửa chữa cửa hàng	2.736.630.914	2.541.480.574
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	261.288.096	364.735.316
Phí quản lý, xuất bản	2.295.925.341	123.801.612
Bản quyền tác giả	762.842.753	516.161.381
Các khoản khác	72.316.950	90.816.207
Cộng	**6.129.004.054**	**3.636.995.090**

b. Dài hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	3.872.237.596	5.298.490.140
Chi phí thuê văn phòng chờ phân bổ (*)	16.185.382.499	16.355.754.947
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	288.113.640	411.458.318
Các khoản khác	44.776.244	75.512.702
Cộng	**20.390.509.979**	**22.141.216.107**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Chi phí thuê Văn phòng tại tầng 12A tòa nhà Diamond Flower, lô đất C1 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính đã được sử dụng để cầm cố thế chấp các khoản vay.

14. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	6.029.358.722	4.039.236.736	966.628.943	70.290.888	11.105.515.289
Mua sắm trong kỳ	700.000.000	-	-	-	700.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**6.729.358.722**	**4.039.236.736**	**966.628.943**	**70.290.888**	**11.805.515.289**
Khấu hao					
Số đầu kỳ	5.127.629.298	3.571.514.351	691.933.526	49.463.965	9.440.541.140
Khấu hao trong kỳ	300.102.700	133.847.424	84.415.410	11.715.150	530.080.684
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**5.427.731.998**	**3.705.361.775**	**776.348.936**	**61.179.115**	**9.970.621.824**
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	901.729.424	467.722.385	274.695.417	20.826.923	1.664.974.149
Số cuối kỳ	**1.301.626.724**	**333.874.961**	**190.280.007**	**9.111.773**	**1.834.893.465**

- Không có TSCĐ hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2018.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 7.941.146.762 đồng.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP In Bao bì Hà Tây	2.391.439.004	1.505.770.030
Công ty CP Việt Tinh Anh	2.455.870.632	2.943.428.088
Nhà xuất bản Kim Đồng	1.820.139.583	423.336.650
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.070.138.136	181.215.828
Các đối tượng khác	23.360.722.760	33.438.511.680
Cộng	**32.098.310.115**	**38.492.262.276**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	2.070.138.136	181.215.828
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	881.302.954	-
Công ty CP Sách và TBTH Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	1.110.598.300	307.118.651
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	973.718.639	1.149.332.982
Cộng		**5.035.758.029**	**1.637.667.461**

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Nguyễn Lập Định	545.015.774	545.015.774
Công ty CP Sách - TBGD Nghệ An	415.573.544	215.573.544
Các đối tượng khác	1.764.093.508	4.070.020.465
Cộng	**2.724.682.826**	**4.830.609.783**

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	962.291.066	2.653.879.267	3.515.143.093	-	101.027.240
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	319.613.177	972.441.962	1.323.683.958	31.628.819	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	600.298.455	1.917.619.180	2.296.235.400	-	221.682.235
Các loại thuế khác	730.000	-	17.000.000	17.000.000	730.000	-
Cộng	**730.000**	**1.882.202.698**	**5.560.940.409**	**7.152.062.451**	**32.358.819**	**322.709.475**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	446.078.973	353.180.015
Phải trả khác	329.498.634	567.564.038
Cộng	**775.577.607**	**920.744.053**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	**30.600.000.000**	**(227.778.500)**	**7.769.929.524**	**7.257.172.918**	**45.399.323.942**
Tăng trong kỳ	-	-	1.521.738.334	9.415.271.399	10.937.009.733
Giảm trong kỳ	-	-	-	7.257.172.918	7.257.172.918
Số dư tại 31/12/2017	**30.600.000.000**	**(227.778.500)**	**9.291.667.858**	**9.415.271.399**	**49.079.160.757**
Số dư tại 01/01/2018	**30.600.000.000**	**(227.778.500)**	**9.291.667.858**	**9.415.271.399**	**49.079.160.757**
Tăng trong kỳ	-	-	3.248.217.119	2.816.203.611	6.064.420.730
Giảm trong kỳ	-	-	-	9.415.271.399	9.415.271.399
Số dư tại 30/06/2018	**30.600.000.000**	**(227.778.500)**	**12.539.884.977**	**2.816.203.611**	**45.728.310.088**

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	30.600.000.000	30.600.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	30.600.000.000	30.600.000.000
Cổ tức đã chia	4.284.000.000	4.284.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu phổ thông	*3.060.000*	*3.060.000*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu phổ thông	*3.060.000*	*3.060.000*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	9.415.271.399	7.257.172.918
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	2.816.203.611	2.372.290.907
Phân phối lợi nhuận	9.415.271.399	7.257.172.918
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	9.415.271.399	7.257.172.918
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	*3.248.217.119*	*1.521.738.334*
+ Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	*1.883.054.280*	*1.451.434.584*
+ Trả cổ tức bằng tiền	*4.284.000.000*	*4.284.000.000*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	**2.816.203.611**	**2.372.290.907**

(**) Lợi nhuận sau thuế năm 2017 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 24/04/2018.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 24/04/2018 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 với tỷ lệ 14%/vốn điều lệ (tương ứng 4.284.000.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức trên trong 6 tháng đầu năm 2018.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	30/06/2018	01/01/2018
Hàng hóa nhận ký gửi	37.601.730.326	25.672.341.032

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Doanh thu bán sách tham khảo	110.776.393.991	88.534.297.088
Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	4.045.477.804	3.794.068.280
Cộng	**114.821.871.795**	**92.328.365.368**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Giá vốn sách tham khảo	67.525.337.830	55.334.130.032
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	4.090.656.821	3.571.435.029
Cộng	**71.615.994.651**	**58.905.565.061**

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	729.504.630	710.534.859
Cổ tức, lợi nhuận được chia	75.000.000	75.000.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	378.391.766	-
Cộng	**1.182.896.396**	**785.534.859**

24. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí lãi vay	1.225.064	85.532.101
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.432.400	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	150.000.000	-
Cộng	**156.657.464**	**85.532.101**

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.610.179.983	2.124.563.884
Chi phí nhân công	10.527.834.781	8.304.337.555
Chi phí khấu hao tài sản cố định	294.719.484	219.077.829
Chi phí thuê nhà, cửa hàng	7.752.523.770	6.298.009.897
Các khoản khác	11.201.006.080	5.202.573.851
Cộng	**31.386.264.098**	**22.148.563.016**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí công cụ, dụng cụ	601.655.430	785.185.055
Chi phí nhân công	3.411.567.604	2.854.085.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	175.739.466	175.739.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.426.053.587	3.413.726.048
Các khoản khác	1.817.578.505	1.742.395.618
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	163.576.055	165.674.112
Cộng	**9.596.170.647**	**9.136.806.135**

26. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Nhận tiền thưởng, hỗ trợ của nhà cung cấp	427.934.613	150.142.437
Thu tiền đền bù do mất hàng	51.014.399	102.245.641
Thu nhập khác	77.716.326	13.072.559
Cộng	**556.665.338**	**265.460.637**

27. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Các khoản phạt	6.000.000	-
Các khoản khác	11.701.096	33.054.360
Cộng	**17.701.096**	**33.054.360**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.788.645.573	3.069.840.191
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	**1.073.564.237**	**252.163.357**
- Điều chỉnh tăng	1.148.564.237	492.906.227
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	*1.082.564.237*	*260.900.000*
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	*66.000.000*	*48.000.000*
+ Các khoản không được trừ khác	-	*184.006.227*
- Điều chỉnh giảm	75.000.000	240.742.870
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	*75.000.000*	*75.000.000*
+ Khấu hao chênh lệch giữa thuế và kế toán	-	*165.742.870*
Tổng thu nhập chịu thuế	4.862.209.810	3.322.003.548
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**972.441.962**	**664.400.710**
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	*972.441.962*	*664.400.710*
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.816.203.611	2.372.290.907
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(563.240.722)	(474.458.181)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành)	*563.240.722*	*474.458.181*
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.252.962.889	1.897.832.726
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.060.000	3.060.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	**736**	**620**

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.212.301.771	7.325.193.670
Chi phí nhân công	20.318.046.811	13.631.919.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	530.080.684	437.503.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.215.394.797	25.265.323.991
Chi phí khác bằng tiền	3.164.654.174	3.510.127.216
Cộng	**55.440.478.237**	**50.170.068.305**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là hoạt động mĩ thuật, truyền thông giáo dục, phát hành sách và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Giám đốc đánh giá rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với mức phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau, bán hàng thu tiền ngay tại các cửa hàng. Hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty sách lớn, Vụ mầm non và Sở Giáo dục. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thanh toán kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	32.098.310.115	-	32.098.310.115
Phải trả khác	329.498.634	-	329.498.634
Cộng	**32.427.808.749**	**-**	**32.427.808.749**

01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	38.492.262.276	-	38.492.262.276
Chi phí phải trả	132.922.783	-	132.922.783
Vay và nợ thuê tài chính	145.841.000	-	145.841.000
Phải trả khác	567.564.038	-	567.564.038
Cộng	**39.338.590.097**	**-**	**39.338.590.097**

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.127.843.205	-	24.127.843.205
Đầu tư tài chính	600.000.000	2.000.000.000	2.600.000.000
Phải thu khách hàng	10.803.385.141	-	10.803.385.141
Phải thu khác	977.881.577	4.251.751.575	5.229.633.152
Cộng	**36.509.109.923**	**6.251.751.575**	**42.760.861.498**

01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.233.071.832	-	41.233.071.832
Đầu tư tài chính	750.000.000	2.000.000.000	2.750.000.000
Phải thu khách hàng	16.317.810.115	-	16.317.810.115
Phải thu khác	1.084.889.327	3.928.800.075	5.013.689.402
Cộng	**59.385.771.274**	**5.928.800.075**	**65.314.571.349**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Phương Nam	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Bán tem, sách	388.446.514	56.894.594
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	2.249.564.682	1.877.945.224
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán tem, sách	365.309.091	331.650.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Bán tem, sách	1.067.054.545	514.800.000
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Bán tem, sách	38.507.699	590.475.436
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí QLXB, khác	2.469.326.364	2.355.561.909
	Thuê nhà, điện, nước	262.790.000	135.602.727
	Mua tem mẫu	396.000.000	-
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	3.104.662.685	1.546.093.443
Công ty CP Sách Dân tộc	Mua sách các loại	12.821.900	49.144.560
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	2.158.501.853	1.841.116.846
Khác			
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Nhận cổ tức bằng tiền	75.000.000	75.000.000

c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.759.280.787	1.444.463.168
Thù lao Hội đồng quản trị	359.500.000	470.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trong nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Phạm Văn Thắng	Nguyễn Phong Yên	Nguyễn Huy Hoàng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2018

PHẠM VĂN THẮNG
Digitally signed by PHẠM VĂN THẮNG
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Đống Đa, o=Công Ty Cổ Phần Mĩ Thuật Và Truyền Thông, title=Giám đốc, cn=PHẠM VĂN THẮNG, 0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:183222333
Date: 2018.08.15 08:46:51 +07'00'